

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK SA GIANG

TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Thành phố Sa đéc, ngày 27 tháng 04 năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
NGÀY 27/04/2018

THỜI GIAN	NỘI DUNG
8g30 – 9g	Đón tiếp cổ đông và làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội
9g – 9g10	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. - Báo cáo tỉ lệ cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội - Bầu Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu, chỉ định Thư ký - Thông qua chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ
9g10 – 10g	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán - Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) về kết quả hoạt động năm 2017 và Kế hoạch năm 2018. - Báo cáo của Công ty kiểm toán về kết quả kiểm toán năm tài chính 2017 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) năm 2017 - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 - Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 - Tờ trình chi thù lao năm 2017 và kế hoạch chi năm 2018 cho HĐQT, BKS; Mức thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận cho HĐQT năm 2018 - Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018 - Tờ trình trích quỹ xã hội từ thiện năm 2018 - Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh - Tờ trình thông qua Điều lệ Công ty năm 2018 - Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2018
10g – 10g30	Thảo luận
10g30 – 10g45	Biểu quyết các nội dung
10g45 – 10g55	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Nghị quyết Đại hội - Thông qua Biên bản Đại hội
10g55 – 11g	Bế mạc

PHẦN 1. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017 ĐƯỢC KIỂM TOÁN.

PHẦN 2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 - KẾ HOẠCH NĂM 2018

I. Báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị năm 2017

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị (HĐQT):

- a. HĐQT tổ chức giám sát và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua 05 cuộc họp; tất cả các cuộc họp đều có sự tham dự đầy đủ của 7/7 thành viên HĐQT và Ban kiểm soát (BKS).

STT	BIÊN BẢN	CHỦ TRƯỞNG/NỘI DUNG
1	01/2017/BB.HĐQT ngày 16/03/2017	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và Kế hoạch năm 2017. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016, ngày tổ chức cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2017 và việc tăng quỹ lương tham gia BHXH năm 2017 (quỹ lương cơ bản) do mức lương tối thiểu vùng tăng.
2	02/2017/BB.HĐQT ngày 07/04/2017 (Lấy ý kiến qua email)	Thông qua Chương trình, nội dung họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Thông qua việc tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc.
3	03/2017/BB.HĐQT ngày 16/06/2017	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.
4	04/2017/BB.HĐQT ngày 16/08/2017	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 và Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2017. Việc thành lập Tổ QA, Khảo sát Đại lý tiêu thụ phía Bắc.
5	05/2017/BB.HĐQT ngày 10/11/2017	- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý 3 và 9 tháng đầu năm 2017. - Dự kiến chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 - Thông qua chủ trương nghiên cứu, đầu tư xây dựng Khách sạn 8 tầng tại địa chỉ 88/6 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Tp Sa đéc, Đồng Tháp.
	06/2017/BB.HĐQT ngày 10/11/2017	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sa đéc.

- b. Kết quả các cuộc họp được thể hiện qua các nghị quyết sau:

01/2017/NQ.HĐQT ngày 10/04/2017	Tái bổ nhiệm Ban điều hành và kế toán trưởng
02/2017/NQ.HĐQT ngày 25/04/2017	Trả cổ tức đợt 2 năm 2016
03/2017/NQ.HĐQT ngày 17/06/2017	Vay vốn ngắn hạn ngân hàng VCB Đồng Tháp

04A/2017/NQ.HĐQT ngày 10/11/2017	Vay vốn ngắn hạn ngân hàng BIDV Đồng Tháp
04/2017/NQ.HĐQT ngày 27/11/2017	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017
01/2018/NQ.HĐQT ngày 05/02/2018	Phân phối 1,7 tỉ đồng ĐHĐCĐ thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2016

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2017

a. HĐQT đã thực hiện đầy đủ các nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên tổ chức vào ngày 25/04/2017, bao gồm:

- Thực hiện đúng việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2016.

- Hoàn thành chi trả cổ tức đợt 2 năm 2016, tỉ lệ thực hiện 12% mệnh giá (1.200 đồng/cổ phần) và hoàn thành việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017, tỉ lệ thực hiện 20% mệnh giá (2.000 đồng/cổ phần)

- Kế hoạch năm 2017: Dưới sự chỉ đạo điều hành của Ban Tổng Giám đốc và sự giám sát chặt chẽ của HĐQT; Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và sản lượng tiêu thụ do Nghị quyết ĐHĐCĐ giao (*xem báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017*)

- Đã thực hiện chi trả đầy đủ thù lao, tiền thưởng vượt lợi nhuận kế hoạch năm 2016 cho HĐQT, BKS và tiền thưởng vượt lợi nhuận kế hoạch năm 2016 cho Ban quản lý điều hành theo mức phê duyệt của ĐHĐCĐ.

- Thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 là Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam.

b. Tình hình thẩm định Dự án đầu tư: Theo nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016, ĐHĐCĐ đã thông qua chủ trương nghiên cứu đầu tư Nhà máy sản xuất sản phẩm từ gạo có công suất 6.000 tấn/năm, mức đầu tư dự kiến 35 - 40 tỉ đồng và giao HĐQT thẩm định phương án và hiệu quả đầu tư. Nay, HĐQT xin báo cáo như sau:

- Ban điều hành đã tiến hành làm việc với Xí nghiệp hạ tầng Khu Công Nghiệp để thuê 10.000 m² đất tại khu A1 với giá thuê 25usd/m² đồng thời thuê Công ty TNHH đầu tư xây dựng – thương mại Trần Gia làm đơn vị tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất sản phẩm từ gạo công suất 6.000 tấn/ năm (đã hoàn thành việc lập dự án trong tháng 08/2016). Dự án có tổng vốn đầu tư là 77,172 tỷ đồng trong đó :

+ Vốn đầu tư cố định:	54,404 tỷ đồng
+ Vốn lưu động:	22,768 tỷ đồng

- Ngày 20/9/2016, các thành viên HĐQT có ý kiến đóng góp qua email về thẩm định dự án đầu tư. Sau thẩm định, HĐQT kết luận: Chậm đầu tư nhà máy sản xuất sản phẩm từ gạo

công suất 6.000 tấn/năm, vì xem xét trong hiện tại dự án chưa khả thi, HĐQT sẽ tính toán lại phương án (tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 5/7 đạt 71,4%).

Lý do chậm đầu tư: Để tránh lãng phí vốn vì Nhà máy có vốn đầu tư trên 77 tỷ đồng, công suất 6.000 tấn/năm trong khi sản lượng tiêu thụ sản phẩm từ gạo năm 2016 chỉ khoảng 800 tấn/năm, năm 2017 khoảng 900 tấn/năm. HĐQT dự kiến sẽ triển khai dự án đầu tư khi mức sản lượng tiêu thụ trên 2.500 tấn/năm.

Để đảm bảo hiệu quả đầu tư, HĐQT đã chọn phương án đầu tư thêm thiết bị, kho cho Xí nghiệp thực phẩm để nâng công suất sản phẩm từ gạo lên dần theo khả năng tiêu thụ, công suất hiện tại là 2.000 tấn/năm (Năm 2017 đã đầu tư dây chuyền sấy vông và dây chuyền sấy dẻo; Đầu năm 2018 đã đầu tư máy ép Bún khô tự động và mua cơ sở vật chất của Công ty AG có diện tích xây dựng 2.000m² để mở rộng sản xuất).

3. Hoạt động giám sát của hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã thảo luận, chất vấn Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: Việc triển khai thực hiện các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017; Kế hoạch đầu tư tài sản; Công tác tài chính, nguồn nhân lực; thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ, đột xuất và các cuộc trao đổi qua email, điện thoại để giám sát các hoạt động của Ban điều hành.

II. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

1. Tóm tắt các số liệu tài chính:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ % TH/KH
1. Tổng doanh thu. Trong đó: Doanh thu thuần	tỉ đồng tỉ đồng	285	290,14 288,77	101,8%
2. Sản lượng tiêu thụ. Trong đó: - Bánh phồng tôm - Sản phẩm từ gạo	tấn tấn tấn	8.200 7.200 1.000	8.226 7.343 883	100,3% 102% 88,3%
3. Lợi nhuận trước thuế	tỉ đồng	37	37,51	101,4%
4. Nguồn vốn chủ sở hữu: + Vốn điều lệ + Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	tỉ đồng tỉ đồng tỉ đồng		118,52 71,48 47,04	
5. Chia cổ tức bằng tiền	%	32%	35 %	109,3 %
6. Thu nhập bình quân	trđ/tháng	5,5	6,7	122%
7. Lãi cơ bản /cổ phiếu	đồng/CP		4.174	118%

*** Đánh giá:**

- So sánh kết quả thực hiện với chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 và cùng kỳ năm trước: Tổng doanh thu tăng 1,8% so với kế hoạch và tăng 9% so với năm trước; Lợi nhuận tăng 1,4% so với kế hoạch và tăng 4,9% so với năm trước; Sản lượng tiêu thụ tăng 0,3% so với kế hoạch và tăng 9,6% so với năm trước. Ngoài ra, Công ty đã nộp ngân sách năm 2017 là 6,68 tỉ đồng (số thuế phải nộp năm 2017 là 8,78 tỉ đồng nhưng do Công ty đã nộp trước 2,5 tỉ đồng vào cuối năm 2016).

- So sánh kết quả thực hiện với chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020: chỉ tiêu Tổng doanh thu năm 2017 chỉ đạt 91,7% so với chỉ tiêu kế hoạch trong chiến lược 2016 – 2020 nhưng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tăng 19,6% và chỉ tiêu cổ tức tăng 40%.

Nhận xét: Mặc dù Công ty chưa đầu tư nhà máy sản xuất sản phẩm từ gạo nhưng vẫn đảm bảo tốc độ tăng trưởng lợi nhuận vượt kế hoạch trong chiến lược kinh doanh 5 năm, nguyên nhân do hiệu quả đầu tư thêm máy móc thiết bị, cải tạo nhà xưởng làm giảm chi phí sản xuất.

2. Đánh giá các mặt hoạt động của công ty năm 2017.

2.1. Hoạt động đầu tư, sản xuất chế biến:

- Đầu tư mới máy móc, thiết bị để nâng cao công suất, gia tăng sản lượng, giảm hao phí lao động với tổng vốn đầu tư trong năm 2017 là 6,6 tỉ đồng. Cụ thể:

+ Đầu tư cho Xí nghiệp bánh phòng tôm Sa Giang 1: Thiết bị lò hơi đốt đa nhiên liệu có công suất sinh hơi lớn (4 tấn/giờ), bồn chứa và lựa băng chuyền với giá trị đầu tư 3,7 tỉ đồng.

+ Đầu tư cho Phân xưởng thực phẩm: dây chuyền sấy vông và dây chuyền sấy dẻo sản phẩm từ gạo, giá trị đầu tư 2,9 tỉ đồng.

Kết quả đầu tư đã góp phần mang lại hiệu quả lớn, làm giảm giá thành sản phẩm và tăng năng lực cạnh tranh của Công ty.

- Nghiên cứu và đưa ra thị trường 01 sản phẩm mới là bánh phòng tàu hủ ky.

- Tăng cường quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo HACCP, BRC, ISO 9001:2015, HALLA.

2.2. Hoạt động kinh doanh:

- Thị trường xuất khẩu: Ban điều hành đã có giải pháp linh hoạt trong chính sách bán hàng để duy trì hoạt động sản xuất liên tục trong mùa thấp điểm; áp dụng chính sách khuyến mãi để giữ vững thị phần tại các thị trường xuất khẩu truyền thống. Tăng cường đội ngũ phát triển thị trường mới và đã tìm kiếm thêm nhiều khách hàng mới. Tham gia hội chợ ngoài nước về thực phẩm để quảng bá thương hiệu, sản phẩm như Hội chợ ở Đức, Nhật, Thái Lan.

- Thị trường nội địa: Phát triển kênh phân phối hiện đại, củng cố kênh phân phối truyền thống, tăng thêm mạng lưới phân phối để tăng độ phủ trên thị trường.

2.3 Hoạt động tài chính:

Tình hình tài chính lành mạnh, nguồn vốn được sử dụng hiệu quả hơn; khả năng thanh toán cao. Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chi phí; Kiểm soát nợ phải thu của khách hàng, tránh phát sinh nợ khó đòi.

3. Các kết quả khác:

- Bằng khen của Phòng thương mại Việt Nam về thành tích Doanh nghiệp tiêu biểu khu vực ĐBSCL năm 2017.
- Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao, chuẩn hội nhập năm 2017.
- Bằng khen của Tổng Cục thuế về thành tích Doanh nghiệp chấp hành tốt chính sách pháp luật về thuế năm 2016.
- Bằng khen của UBND tỉnh về thành tích Doanh nghiệp tiêu biểu 2 năm liền 2016 - 2017
- Bằng khen của UBND tỉnh về thành tích xuất sắc trong Khối thi đua về phong trào thi đua chuyên đề năm 2017.
- Cờ thi đua của UBND tỉnh về thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

III. Kế Hoạch Sản Xuất Kinh Doanh Năm 2018

1. Nhận định tình hình năm 2018:

1.1 Thuận lợi:

- SA GIANG là thương hiệu nổi tiếng về sản phẩm bánh phồng tôm ở thị trường quốc tế và trong nước với ưu điểm về chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Lạm phát được kiểm soát, tỉ giá VNĐ/USD có xu hướng tăng.

1.2 Khó khăn:

- Rủi ro về cạnh tranh đối với các sản phẩm cùng loại ngay tại thị trường trong nước và cả thị trường nước ngoài khi Hiệp định Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) đã có hiệu lực từ 01/01/2018.
- Rủi ro về nguyên liệu đầu vào: Chi phí nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng tương đối trong giá thành sản xuất của Công ty. Do đó sự biến động giá cả nguyên vật liệu chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty.

2. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2018	Tỉ lệ % so với năm 2016
1	Tổng doanh thu	tỉ đồng	312	107,5%
2	Lợi nhuận trước thuế	tỉ đồng	40	106,6%
3	Sản lượng tiêu thụ bánh phồng tôm	tấn	7.900	107,5%
4	Sản lượng tiêu thụ sản phẩm từ gạo (Bún, phở, hủ tiếu)	tấn	1.000	113%
5	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/tháng	6,7	100%
6	Nộp ngân sách	tỉ đồng	9	102%

3. Định hướng hoạt động:

3.1 Về hoạt động kinh doanh – tài chính:

- Tập trung mở rộng các thị trường xuất khẩu tiềm năng; đẩy mạnh hoạt động marketing để quảng bá sản phẩm, nâng cao uy tín thương hiệu.
- Phát triển mạng lưới phân phối nội địa, chú trọng kênh phân phối hiện đại nhằm đảm bảo độ phủ ở thị trường trong nước. Xây dựng chính sách bán hàng năng động để tăng thị phần.
- Thực hiện chào giá cạnh tranh đối với một số nguyên liệu, vật tư đầu vào. Có kế hoạch dự trữ nguyên liệu chính khi có biến động giá tăng để đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận.
- Xây dựng, theo dõi, đánh giá hạn mức công nợ, thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ, hạn chế nợ phải thu quá hạn. Kiểm soát chặt chẽ chi phí để hạ giá thành.
- Qui hoạch và sử dụng tốt nguồn nhân lực. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành.

3.2 Về hoạt động đầu tư, sản xuất, nghiên cứu:

- Đầu tư máy ép Bún khô tự động (sẽ hoạt động vào quý 2 năm 2018); Máy bơm bột; Đầu tư thêm 01 hệ thống sấy băng chuyền và nâng công suất hơi cho Xí nghiệp 2 để tăng công suất nhà máy; đầu tư kho cho Phân xưởng thực phẩm
- Nghiên cứu ít nhất 02 sản phẩm mới và nghiên cứu nguyên liệu thay thế để hạ giá thành, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng yêu cầu khách hàng.
- Tăng cường công tác kiểm soát quá trình sản xuất sản phẩm; cải tiến mẫu mã bao bì, tạo sự khác biệt về sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng một cách tốt nhất.

PHẦN 3. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017

3.1 Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN: 37.510.993.286 đồng

Thù lao HĐQT, BKS chi 2% LNTT (trước khi trích vào chi phí)

(LNTT trước khi trích Thù lao vào chi phí: 38.276.523.761 x 2%) **765.530.475 đồng**

+ Thù lao HĐQT, BKS đã chi: 194.400.000 đồng

+ Thù lao HĐQT, BKS còn phải chi: 571.130.475 đồng

3.2 Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN: 29.831.071.807 đồng

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (12% LNST) 3.579.728.617 đồng

- Trích quỹ thưởng HĐQT do vượt kế hoạch 100.000.000 đồng

- Trích quỹ xã hội từ thiện (1,01% LNST) 300.000.000 đồng

- Chi cổ tức bằng tiền tỉ lệ 35%	25.016.530.000 đồng
Trong đó	
+ Cổ tức ứng đợt 1 tỉ lệ 20%	14.295.160.000 đồng
+ Cổ tức còn phải trả đợt 2 tỉ lệ 15%	10.721.370.000 đồng

3.3 Lợi nhuận còn lại chưa phân phối 834.813.190 đồng

PHẦN 4. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2018	Tỉ lệ % so với năm 2017
1	Tổng Doanh thu	tỉ đồng	312	107%
2	Lợi nhuận trước thuế	tỉ đồng	40	106,6%
3	Sản lượng tiêu thụ bánh phồng tôm	tấn	7.900	107,5%
4	Sản lượng tiêu thụ sản phẩm từ gạo (Bún, phở, hủ tiếu)	tấn	1.000	113%
5	Thu nhập bình quân	đ/người/tháng	6,7	100%

PHẦN 5. THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH THÙ LAO HĐQT, BKS NĂM 2018; MỨC THƯỞNG VƯỢT KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN CHO HĐQT NĂM 2018

5.1 Thù lao của hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2017:

Thù lao HĐQT, BKS năm 2017 phải chi (2% LNTT)	765.530.475 đồng
Thù lao HĐQT, BKS năm 2017 đã chi	194.400.000 đồng
Thù lao HĐQT, BKS còn lại phải chi trong năm 2018	571.130.475 đồng

5.2 Mức thù lao cho hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2018:

Tổng tiền thù lao của hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2018 là 2% trên lợi nhuận trước thuế .

5.3 Mức thưởng cho hội đồng quản trị nếu vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2018:

Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2018 cho HĐQT theo tỉ lệ 20% trên lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch

PHẦN 6. LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CHO NĂM TÀI CHÍNH 2018

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 **ủy quyền cho Hội đồng quản trị** lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2018 là một (01) trong năm (05) Công ty kiểm toán được Ban kiểm soát đề xuất lên Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học Tp.HCM (AISC)
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC)

PHẦN 7. TRÍCH QUỸ XÃ HỘI TỪ THIỆN NĂM 2018

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 chấp thuận cho trích Quỹ xã hội từ thiện năm 2018 với số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) để Công ty tham gia công tác từ thiện xã hội, đền ơn đáp nghĩa tại địa phương.

PHẦN 8. BỔ SUNG NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

8.1 Danh mục các ngành nghề kinh doanh bổ sung:

- Xây xát và sản xuất bột thô (Chi tiết sản xuất bột thô);
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai).

8.2 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Tổng giám đốc hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh và công bố thông tin theo qui định pháp luật.

PHẦN 9. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần XNK Sa Giang và toàn văn Điều lệ Công ty cổ phần XNK Sa Giang cho phù hợp với Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ tài chính (*kèm theo*)

PHẦN 10. QUI CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phù hợp với Quy chế mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ tài chính (*kèm theo*)

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Thực hiện chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp năm 2014, Điều lệ của Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang (Công ty) và trên cơ sở thực tiễn công tác kiểm tra, rà soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty và BKS trong năm 2017, như sau:

1. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1.1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành:

- Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành (BDH) hoạt động tuân thủ Pháp luật; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo, công bố thông tin kịp thời trên sàn giao dịch, thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Luật Chứng khoán. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều trong phạm vi đăng ký kinh doanh.

- HĐQT và BDH đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp định kỳ quý, năm nhằm đề ra các chiến lược về mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm, tập trung giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- HĐQT đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2017. Chi trả cổ tức đợt 1 và đợt 2 năm 2016 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 32%. Trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017.

- HĐQT và BDH tiếp tục đầu tư cải tiến máy móc cho các nhà xưởng theo từng giai đoạn phù hợp, giá trị đầu tư hơn 6,6 tỷ đồng, cụ thể: hệ thống lò hơi đốt đa nhiên liệu công suất 4 tấn/giờ, bồn chứa BPT và lựa băng chuyền cho Xí nghiệp Sa Giang 1; dây chuyền sấy vông và sấy dẻo cho Xưởng thực phẩm.

- Công ty nghiên cứu và đưa ra thị trường 01 sản phẩm mới: bánh phồng tàu hủ ky, đa dạng sản phẩm chay phù hợp nhu cầu thị trường.

- Tiểu ban Chiến lược và Tiểu ban nhân sự thuộc Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực. Tham mưu chiến lược về mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm, chính sách tiền lương thưởng và đào tạo nhân sự.

- BDH thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực về vốn, tài sản và nhân sự; thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước và đảm bảo các chế độ, chính sách có lợi cho người lao động.

1.2. Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Công Ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Ban Kiểm soát thống nhất với các số liệu, chỉ tiêu trên báo cáo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, phù hợp các quy định pháp lý hiện hành.

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2016
TÀI SẢN NGẮN HẠN	91.510.864.836	102.498.643.303
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.277.284.341	23.286.623.517
Các khoản phải thu ngắn hạn	43.584.763.449	49.987.656.217
Hàng tồn kho	24.308.188.258	26.932.986.717
Tài sản ngắn hạn khác	3.340.628.788	2.291.376.852
TÀI SẢN DÀI HẠN	69.521.063.204	64.758.926.352
TỔNG TÀI SẢN	161.031.928.040	167.257.569.655
NỢ PHẢI TRẢ	42.507.846.902	50.580.505.803
Nợ ngắn hạn	37.877.555.876	45.855.614.752
Nợ dài hạn	4.630.291.026	4.724.891.051
VỐN CHỦ SỞ HỮU	118.524.081.138	116.677.063.852
TỔNG NGUỒN VỐN	161.031.928.040	167.257.569.655

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2017

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,15	2,24
- Hệ số thanh toán nhanh:	1,51	1,65
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:		
- Hệ số nợ/tổng nguồn vốn:	0,26	0,30
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu:	0,36	0,43
Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động:		
- Vòng quay hàng tồn kho:	8,88	8,45
- Vòng quay khoản phải thu khách hàng:	8,75	7,63
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần:	10,33	10,81
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản:	18,52	17,11
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu:	25,17	24,53

- Tình hình tài chính của Công ty cân đối, lành mạnh, khả năng thanh toán tốt. Công tác quản lý công nợ và hàng tồn kho hiệu quả. Các khoản mục đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định, máy móc thiết bị được thực hiện theo nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT, đúng quy trình, hồ sơ đầy đủ. Hóa đơn, chứng từ, sổ sách hợp lý, hợp lệ theo Luật quy định.

- Thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước, nộp thuế, bảo hiểm đầy đủ.
- Công ty hoạt động kinh doanh hiệu quả với chỉ tiêu ROE trên 25%.

Một số chỉ tiêu kinh doanh năm 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So với kế hoạch 2017	So với cùng kỳ 2016
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	266,04	285	290,14	Tăng 1,8%	Tăng 9,06%
2	Doanh thu thuần	tỷ đồng	264,74		288,77		Tăng 9,08%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	35,75	37	37,51	Tăng 1,38%	Tăng 4,92%
4	Thu nhập bình quân	trđ/người/tháng	5,50	5,50	6,70	Tăng 21,8%	Tăng 21,8%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	3.807		4.174		Tăng 7,86%
6	Sản lượng:	tấn	7.507	8.200	8.226	Tăng 0,32%	Tăng 9,58%
	+ Bánh phồng tôm	tấn	6.742	7.200	7.343	Tăng 1,99%	Tăng 8,91%
	+ Sản phẩm từ gạo	tấn	765	1.000	883	Giảm 11,7%	Tăng 15,4%

Năm 2017, Công ty hoạt động kinh doanh hiệu quả khá cao, với chỉ tiêu doanh thu đạt 290,14 tỷ đồng, vượt 1,8% kế hoạch và tăng hơn 9% so với cùng kỳ năm 2016. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 37,51 tỷ đồng, vượt 1,38% kế hoạch và tăng 4,92% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

- Sản lượng tiêu thụ bánh phồng tôm tăng trưởng tốt ở cả hai thị trường xuất khẩu và nội địa, tăng 9,58 % so với cùng kỳ, đa số là do khách hàng cũ tăng lượng mua. Sản lượng tiêu thụ các sản phẩm từ gạo chỉ đạt 88,3% so với kế hoạch do Xưởng thực phẩm ngừng hoạt động trong 4 tuần để đầu tư máy móc, sửa nhằm nâng công suất nhà máy.

- Công ty đã áp dụng cơ chế giá bán linh hoạt, phù hợp theo từng đối tượng khách hàng, từng thị trường trong và ngoài nước, nâng cao tính cạnh tranh và tối đa hóa doanh thu, lợi nhuận cho công ty.

- Chi phí giá thành có sự sụt giảm tương đối tốt do các cải tiến kỹ thuật, nâng cao công suất lao động và chi phí nguyên liệu chính là bột mì, tôm giảm nhẹ.

- Công ty đã trích quỹ R&D 2 tỷ đồng, kết hợp với các đơn vị chuyên môn cao nghiên cứu và phát triển công nghệ, cải tiến máy móc, sản phẩm nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường.

- Về thị trường xuất khẩu: thị trường truyền thống vẫn chiếm chủ lực: Anh, Pháp, Hà Lan... Thị trường Nhật, Hàn, Malaysia, Thái Lan được đánh giá tiềm năng. Công ty tiếp tục mở rộng các thị trường mới và cạnh tranh với thị trường có những bất ổn chính trị xã hội.

- Về thị trường nội địa: sản lượng tiêu thụ các mặt hàng đều tăng nhẹ, hệ thống kênh phân phối chưa được mở rộng so với năm 2016.

Bằng nhiều nỗ lực của HĐQT và BDH, kết quả kinh doanh năm 2017 tăng trưởng khả quan trong bối cảnh còn nhiều khó khăn:

- Giá bán xuất khẩu thường xuyên giảm trước áp lực cạnh tranh.

- Các yếu tố chi phí đều tăng giá: nguyên nhiên liệu như mực, trấu, điện, nước, chi phí vận chuyển, các chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp.

- Mức lương tối thiểu vùng tăng làm tăng các chi phí liên quan đến lao động như bảo hiểm, kinh phí công đoàn, lương lễ phép, lương bù ngày không sản xuất,...

2. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

2.1 Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Năm 2017, số lượng thành viên BKS là 03 người, không thay đổi trong cơ cấu BKS, cụ thể:

+ Bà Huỳnh Thị Bé Ngọc: Trưởng BKS chuyên trách.

+ Bà Hồng Lệ Vân: Thành viên BKS.

+ Ông Nguyễn Dương Thảo: Thành viên BKS.

- Hoạt động của Ban Kiểm soát tuân thủ đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ, chú trọng giám sát và kiểm tra các hoạt động của Công ty như:

+ BKS tham gia thường xuyên các cuộc họp của HĐQT, BDH; đưa ra kiến nghị về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017.

+ Xem xét tính pháp lý, trình tự và thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và BDH; kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty.

+ Giám sát hoạt động của HĐQT, sự điều hành của BDH, việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính, đầu tư theo chủ trương của ĐHCĐ. Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, trực tiếp làm việc với các bộ phận chức năng nhằm phát hiện những rủi ro hoặc thiếu sót.

+ Kiểm soát hoạt động tài chính của Công ty, phối hợp với Công ty Kiểm toán AFC xem xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm 2017, nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý theo đúng quy định pháp luật.

+ Xem xét tính khả thi và giám sát việc hiện những kiến nghị của Công ty Kiểm toán AFC đề xuất trong thư quản lý đính kèm BCTC năm 2017.

+ Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp giúp đảm bảo an ninh tài chính, ngăn ngừa rủi ro, sai phạm trong sản xuất kinh doanh.

- Trong năm 2017, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại tố cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và điều hành của HĐQT, BDH.

2.2 Tiền lương và thù lao của Ban Kiểm soát năm 2017:

- Tiền lương, thưởng của Trưởng BKS chuyên trách năm 2017 là: 284.165.000 đồng (trong đó, tiền lương là 190.065.000 đồng).

- Thù lao của các thành viên BKS kiêm nhiệm trong năm 2017 là: 135.600.000 đồng (trong đó, quyết toán thù lao còn lại của năm 2016 là 102.000.000 đồng).

- Khen thưởng BKS năm 2016, thực chi vào tháng 02/2018 là: 130.000.000 đồng.

3. PHỐI HỢP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT:

- Ban Kiểm soát đã tham dự và tham gia ý kiến trong các cuộc họp của HĐQT và BDH.

- HĐQT, BDH và các bộ phận liên quan đã cung cấp tất cả Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cũng như các văn bản điều hành khác.

- BKS được HĐQT, BDH hỗ trợ tạo điều kiện để thuận lợi hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ.

4. KIẾN NGHỊ

- Nhằm hoàn thiện thể chế hoạt động, Công ty cần rà soát Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Công ty; sửa đổi, bổ sung những nội dung không còn phù hợp với quy định theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua.

- Trong công tác phát triển thị trường, Công ty cần tăng cường nhân lực, vai trò của bộ phận marketing để mở rộng thêm nhiều thị trường mới. Củng cố lại hệ thống phân phối nội địa để sản phẩm của Sa Giang tiếp cận trực tiếp, gần gũi hơn với người tiêu dùng Việt.

- Trong công tác sản xuất: HĐQT và BDH tiếp tục đầu tư công nghệ, cải tiến kỹ thuật để tăng cao năng suất, giảm thiểu hao phí. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất và đảm bảo chất lượng hàng hóa xuất bán.

- Sau khi thực hiện kiểm toán BCTC năm 2017, Công ty AFC đã đưa ra một số đề xuất trong Thư quản lý nhằm giúp Công ty thực hiện tốt hơn công tác tài chính, đề nghị BDH xem xét áp dụng sao cho phù hợp.

5. KẾT LUẬN

Nhìn chung, năm 2017 HĐQT và BĐH đã quản trị tích cực với những chiến lược đúng đắn, linh hoạt, đầu tư có hiệu quả đã mang lại thành công cho Công ty. Ban Kiểm soát đã tham gia sâu sát hơn vào các hoạt động giám sát, kiểm tra, thể hiện tính trung thực và khách quan.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty, HĐQT và BĐH trong năm 2017 kính trình quý cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công Ty CP XNK Sa Giang.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban



Huỳnh Thị Bé Ngọc

NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN XNK SA GIANG NĂM 2018

Ghi chú: Nội dung in đậm nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (theo quy định của Điều lệ mẫu (ĐLM) ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC, ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính)	GHI CHÚ
Điều 2 khoản 6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm.	Điều 2 khoản 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là <i>vô thời hạn</i> .	
Điều 3 khoản 1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:	Điều 4 khoản 1. <i>Ngành, nghề</i> kinh doanh của Công ty là:; <i>Xay sát và sản xuất bột thô (Chi tiết sản xuất bột thô); Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai).</i>	Mã ngành 1061 (10612); 1062; 1071; 1074; 1079; 1104 (11041).
Điều 5 khoản 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.	Điều 6 khoản 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này <i>bao gồm</i> cổ phần phổ thông và <i>cổ phần ưu đãi (nếu có)</i> . Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại <i>Điều 12, Điều 13</i> Điều lệ này.	Do bổ sung thêm Điều 3 theo ĐLM nên có thay đổi số thứ tự (STT) Điều.
Điều 6 khoản 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ	Điều 7 khoản 2. <i>Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120</i> Luật doanh nghiệp.	

<p>đồng nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>		
	<p>Bổ sung Điều 12 khoản 2 điểm f: <i>Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</i></p>	
<p>Điều 11 khoản 2 điểm h: Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Luật doanh nghiệp</p> <p>Điều 11 khoản 3: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông ...</p> <p>Điều 11 khoản 3 điểm a: Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;</p> <p>Điều 11 khoản 3 điểm b: Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 12 khoản 2 điểm i: Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp</p> <p>Điều 12 khoản 3: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <i>từ 5%</i> tổng số cổ phần phổ thông <i>trở lên ...</i></p> <p>Điều 12 khoản 3 điểm a: Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>Điều 12 khoản 3 điểm b: Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp</p>	
<p>Điều 12 khoản 2: Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 13 khoản 2: Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <i>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</i> <i>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</i> <i>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</i> <i>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</i> 	

<p>Điều 13 khoản 2: Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p>	<p>Điều 14 khoản 2: ... <i>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu</i>, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	
<p>Điều 13 khoản 3 điểm c: Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>Điều 13 khoản 3 điểm d: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</p> <p>Điều 13 khoản 3 điểm e: Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 của Luật doanh nghiệp ...</p> <p>Điều 13 khoản 4 điểm a: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại ...</p>	<p>Điều 14 khoản 3 điểm c: Số thành viên Hội đồng quản trị, <i>thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên</i> ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>Điều 14 khoản 3 điểm d: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>Điều 14 khoản 3 điểm e: Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc <i>người điều hành khác</i> vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp ...</p> <p>Điều 14 khoản 4 điểm a: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, <i>thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên</i> còn lại như quy định tại ...</p>	

<p>Điều 13 khoản 4 điểm b: ... theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Điều 13 khoản 4 điểm c: ... theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 14 khoản 4 điểm b: ... theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Điều 14 khoản 4 điểm c: ... theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p>Điều 14 khoản 2 điểm l: Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty ...</p> <p>Điều 14 khoản 2 điểm o: Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán</p>	<p>Điều 15 khoản 2 điểm l: Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị <i>từ 35% trở lên</i> tổng giá trị tài sản của Công ty ...</p> <p>Điều 15 khoản 2 điểm n: Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất</p>	
<p>Điều 15 khoản 2 điểm a: Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp</p> <p>Điều 15 khoản 2 điểm b: Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p>	<p>Điều 16 khoản 2 điểm a: Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp</p> <p>Điều 16 khoản 2 điểm b: Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p>	
<p>Điều 16 khoản 1: Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông</p>	<p>Điều 17 khoản 1: Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua</p>	

<p>nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua ...</p> <p>Điều 16 khoản 2: Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này</p>	<p>đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua ...</p> <p>Điều 17 khoản 2: Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này</p>	
<p>Điều 17 khoản 2 điểm a: Chuẩn bị danh sách các cổ đông có đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>Điều 17 khoản 3: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty.</p> <p>..., thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>Điều 18 khoản 2:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.</p> <p>Điều 18 khoản 3: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>..., thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p>	

<p>Điều 17 khoản 4: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này ... Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>Điều 17 khoản 5 điểm b: Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;</p>	<p><i>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</i></p> <p><i>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</i></p> <p>Điều 18 khoản 4: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <i>theo qui định</i> tại Điều 12.3 của Điều lệ này ... <i>Kiến nghị</i> phải bao gồm họ và tên cổ đông, <i>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</i> số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>Điều 18 khoản 5 điểm b: Vào thời điểm <i>kiến nghị</i>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ <i>từ 5% cổ phần phổ thông trở lên</i> trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng <i>theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</i></p> <p><i>Bỏ khoản 6, 7 Điều 17 Điều lệ cũ</i></p>	
<p>Điều 18 khoản 1: Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>Điều 18 khoản 2: ... Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>Điều 18 khoản 3: ... không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự ...</p>	<p>Điều 19 khoản 1: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>Điều 19 khoản 2: ... Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập <i>lần thứ hai</i> chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>Điều 19 khoản 3: ... không phụ thuộc vào <i>tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông</i> dự họp ...</p>	

<p>Điều 19 khoản 4: ... Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Điều 19 khoản 5: Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Điều 19 khoản 6: Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</p> <p>Điều 19 khoản 7: Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>Điều 19 khoản 8: Hội đồng quản trị có thể yêu cầu ... hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. ... Hội đồng quản trị sau khi xem xét ...</p>	<p>Điều 20 khoản 4: ... Trường hợp <i>không bầu được</i> người làm chủ tọa, <i>Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</i></p> <p>Điều 20 khoản 5: <i>Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</i></p> <p>Điều 20 khoản 7: Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết <i>theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</i></p> <p>Điều 20 khoản 6: <i>Chủ tọa đại hội</i> có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, <i>theo chương trình đã được thông qua</i> và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>Điều 20 khoản 8: <i>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền</i> yêu cầu ... hoặc các biện pháp an ninh <i>hợp pháp, hợp lý khác</i> <i>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</i> sau khi xem xét ...</p>	<p>Thay đổi thứ tự khoản theo Điều lệ mẫu</p> <p>Thay đổi thứ tự khoản theo Điều lệ mẫu</p>
<p>Điều 20 khoản 1: Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên ...</p>	<p>Điều 21 khoản 1: Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, <i>khoản 3</i> Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên ...</p>	

<p>Điều 20 khoản 1 điểm c: Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế ...</p> <p>Điều 20 khoản 2: ... có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản ... được thông qua khi có từ 75% trở lên ...</p>	<p>Điều 21 khoản 1 điểm c: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế ...</p> <p>Bổ sung khoản 2 Điều 21: <i>Bầu</i> thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Điều 21 khoản 3: ... có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ... được thông qua khi có từ 65% trở lên ...</p> <p>Bổ sung khoản 4 Điều 21: <i>Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</i></p>	
<p>Điều 21 khoản 2: Hội đồng quản trị ... nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>Điều 21 khoản 3 điểm c: Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>Điều 21 khoản 4: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p>	<p>Điều 22 khoản 2: Hội đồng quản trị ... nhận phiếu lấy ý kiến. <i>Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</i></p> <p>Điều 22 khoản 3 điểm c: Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <i>số Thẻ căn cước công dân</i>, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc <i>họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức</i>; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>Điều 22 khoản 4: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức <i>hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền.</i></p> <p>Bổ sung khoản 5 Điều 22: Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p>	

<p>Điều 21 khoản 5: ... hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty...</p> <p>Điều 21 khoản 8: ... đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần ...</p>	<p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>Điều 22 khoản 6: ... hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp ...</p> <p>Điều 22 khoản 9: ... đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần ...</p>	
<p>Điều 23 khoản 1: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 24 khoản 1: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.</p>	
	<p>Bổ sung Điều 25: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	

	<p>Khoản 1: Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; Trình độ học vấn; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); Các thông tin khác (nếu có).</p>	
	<p>Bổ sung điểm f khoản 2 Điều 26: Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị</p>	
<p>Điều 25 khoản 3 điểm c: Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;</p>	<p>Điều 27 khoản 2 điểm c: Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ; Bổ sung điểm f,h,i,n khoản 2 Điều 27: <i>f.... việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</i> <i>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</i></p>	

<p>Điều 25 khoản 4 điểm c: Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp ...</p> <p>Điều 25 khoản 4 điểm i: Việc công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>Điều 25 khoản 8: ... trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p><i>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</i></p> <p><i>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p>Điều 27 khoản 3 điểm c: Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 135.2 và Điều 162.1, Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp ...</p> <p>Điều 27 khoản 3 điểm i: Việc công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng</p> <p>Điều 28 khoản 2: ... trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;</p>	<p>Điều chỉnh STT Điều, khoản theo ĐLM</p>
<p>Điều 27 khoản 7: ... Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố ...</p> <p>Điều 27 khoản 8: ... Cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất ...</p> <p>Điều 27 khoản 12: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự</p>	<p>Điều 30 khoản 7: ... Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó ...</p> <p>Điều 30 khoản 8: ... Cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất ...</p> <p>Điều 30 khoản 9: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến ...</p>	<p>Thay đổi thứ tự khoản theo Điều lệ mẫu</p>

<p>...</p> <p>Điều 27 khoản 14: ... Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp ...</p> <p>Điều 27 khoản 15: ... Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị ...</p>	<p>Bổ sung khoản 10 Điều 30: <i>Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</i></p> <p>Bổ sung điểm e khoản 11 Điều 30: <i>Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</i></p> <p>Điều 30 khoản 15: ... Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và <i>có thể lập bằng tiếng Anh</i>. Biên bản phải <i>có chữ ký của Chủ tọa và Người ghi biên bản</i>.</p> <p>Điều 31 khoản 1: ... Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc <i>để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ</i>. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. <i>Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị ...</i></p>	<p>Tách khoản 15, 16 Điều 27 Điều lệ cũ thành Điều 31 theo Điều lệ mẫu</p>
<p>Điều 30 khoản 1: ... Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>Điều 30 khoản 2: ... Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là 3 năm ... Tổng giám</p>	<p>Điều 35 khoản 1: ... Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên, <i>được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm</i> và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>Điều 35 khoản 2: ... Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc <i>không quá năm (05) năm</i> ... Tổng giám đốc điều hành không phải là người</p>	<p>Thay đổi thứ tự Điều theo Điều lệ mẫu</p>

<p>độc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p>	<p>mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và <i>phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</i></p> <p>Bổ sung điểm c khoản 3 Điều 35: <i>Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</i></p>	
<p>Điều 31: Thư ký Công ty</p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Bổ sung khoản 2 Điều 32: <i>Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</i></p> <p><i>a. Có hiểu biết về pháp luật;</i></p> <p><i>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</i></p> <p><i>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</i></p> <p>Bổ sung điểm a,g,i khoản 4 Điều 32: Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p><i>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</i></p> <p>.....</p> <p><i>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;</i></p> <p>.....</p> <p><i>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</i></p>	<p>Thay đổi thứ tự Điều theo Điều lệ mẫu</p>
<p>Điều 32 khoản 1: ... đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên</p>	<p>Điều 37 khoản 1: ... đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty <i>trong ba (03) năm liền trước đó.</i></p>	

<p>là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. ... Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.</p> <p>Điều 32: khoản 2,3</p> <p>Điều 32 khoản 5: Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát; b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty; c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự; d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; ... 	<p><i>... Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</i></p> <p>Điều 36: Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>Điều 37 khoản 4,5:</p> <p>Khoản 4. Kiểm soát viên <i>bị miễn nhiệm</i> trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. <i>Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện</i> làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp; b. <i>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục</i>, trừ trường hợp bất khả kháng; c. Có đơn từ chức <i>và được chấp thuận</i>; d. <i>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</i> <p>Khoản 5. Kiểm soát viên <i>bị bãi nhiệm</i> trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. <i>Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công</i>; b. <i>Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty</i>; d. <i>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</i> 	<p>Bổ sung Điều 36 theo ĐL mẫu và chuyên khoản 2,3 Điều 32 ĐL cũ thành khoản 1, 2 Điều 36 ĐL mới</p>
<p>Điều 33 khoản 1: Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán 	<p>Điều 38 khoản 1: Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; 	

<p>độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;</p> <p>e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p> <p>Điều 33 khoản 2: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p>	<p>b. <i>Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</i></p> <p>c. <i>Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</i></p> <p>d. <i>Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</i></p> <p>e. <i>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</i></p> <p>f. <i>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i></p> <p>Điều 38 khoản 2: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p>	
	<p>Bổ sung khoản 1 Điều 40: <i>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm</i></p>	<p>Bổ sung khoản</p>

<p>Điều 35 khoản 3: Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh ... trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p><i>soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</i></p> <p>Điều 40 khoản 4: <i>Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác</i>, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh ... <i>trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</i></p>	<p>1 Điều 40 theo ĐLM</p>
<p>Điều 42 khoản 1: Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận .</p> <p>Điều 42 khoản 2: ... lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. ...</p> <p>Điều 42 khoản 3: Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyên đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>Điều 47 khoản 1: Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), <i>chế độ kế toán doanh nghiệp</i> hoặc chế độ kế toán <i>đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành</i> được Bộ Tài chính chấp thuận .</p> <p>Điều 47 khoản 2: ... lưu giữ hồ sơ kế toán theo <i>quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan...</i></p> <p>Điều 47 khoản 3: Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. <i>Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</i></p>	
<p>Điều 43 khoản 1: ... báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, ...</p> <p>Điều 43 khoản 2: ... Bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực ...</p>	<p>Điều 48 khoản 1: ... báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, ...</p> <p>Điều 48 khoản 2: ... <i>Báo cáo tình hình tài chính</i> phản ánh một cách trung thực ...</p>	
<p>Điều 46 khoản 1: ... và con dấu được khắc</p>	<p>Điều 51 khoản 1: ... và con dấu được khắc theo quy định của luật</p>	

theo quy định của luật pháp.	pháp và <i>Điều lệ Công ty</i> .	
Điều 47 khoản 1 điểm b: Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;	Điều 52 khoản 1 điểm b: <i>Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</i>	
Điều 49 khoản 3 điểm b: Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;	Điều 54 khoản 3 điểm b: Các khoản nợ lương, <i>trợ cấp thôi việc</i> , bảo hiểm xã hội và <i>các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</i>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK SA GIANG

Thành phố Sa đéc, ngày 27 tháng 04 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY...

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty

IV. VỐN, ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Đại diện theo uỷ quyền

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Điều 37. Kiểm soát viên

Điều 38. Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và Công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản Ngân hàng

Điều 46. Năm tài chính

Điều 47. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

Điều 49. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con Dấu

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

Điều 53. Gia hạn hoạt động

Điều 54. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ Công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 27 tháng 04 năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và Người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp, Điều 6.34 của Luật chứng khoán;
 - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - o Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG
 - o Tên tiếng Anh: SA GIANG IMPORT EXPORT CORPORATION
 - o Tên giao dịch: SA GIANG IMPORT EXPORT CORPORATION
 - o Tên viết tắt: SAGIMEXCO
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- o Địa chỉ: Lô CII- 3, Khu công nghiệp C, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
- o Điện thoại: 0277.3763155 - 0277.3763154 – 0277.3763153 – 0277.6763454
- o Fax: 0277.3763152
- o E-mail: info@sagiang.com.vn
- o Website: www.sagiang.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (Chi tiết: Sản xuất thực phẩm: Bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đu đủ sấy); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Cho thuê mặt bằng); Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến thực phẩm); Chế biến, bảo quản thịt và sản phẩm từ thịt; In ấn (Chi tiết: In nhãn bao bì phục vụ đóng gói hàng hóa); Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Mua bán thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đu đủ sấy. Mua bán thủy hải sản, thịt và các sản phẩm từ thịt); Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Mua bán đồ uống có cồn (rượu) và không cồn); Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì (Chi tiết: Sản xuất bao bì từ giấy, giấy nhãn, bì nhãn, bì cứng, thùng đựng hàng hóa các loại bằng giấy); Sản xuất bao bì từ plastic (Chi tiết: Sản xuất đồ nhựa dùng để gói hàng như: Túi, hộp, thùng, bình lớn, chai lọ, bao tải); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các sản phẩm: giấy nhãn, bì nhãn, bì cứng, thùng đựng hàng hóa các loại bằng giấy; Túi, hộp, thùng, bình lớn, chai lọ, bao tải, bao bì được sản xuất bằng plastic); Xay xát và sản xuất bột thô (Chi tiết sản xuất bột thô); Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; Sản đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai).

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm theo các chức năng và ngành nghề kinh doanh được cấp phép. Đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và đạt được mục tiêu thu tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 71.475.800.000 VNĐ (Bảy mươi một tỉ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm ngàn đồng Việt Nam)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 7.147.580 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo qui định của Luật doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và qui định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn hai tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu

cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo qui định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán qui định tại khoản 3. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tổng số cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỉ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Quyền của các cổ đông sở hữu các loại cổ phần ưu đãi khác được quy định tại hợp đồng mua cổ phần ưu đãi và tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 25 và khoản 1 Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của công ty; chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với công ty.

(Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác)

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d, 3e Điều này.
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông;
- l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán ;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỉ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, Chương trình Họp, và Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14.4b hoặc 14.4c Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ; và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị qui định

tại Khoản 4 của điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số.

Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty
- c. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;

tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc

gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ

60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 135.2 và Điều 162.1, Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và Người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 5 ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm Người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ

thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại lần thứ 2 trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị lại, hoặc là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền theo qui định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d Khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những

vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và qui chế quản lý công ty do Hội đồng quản trị qui định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Tiền lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc điều hành do Hội đồng Quản trị quyết định và Hợp đồng của Người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều

hành.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định tiền lương, thù lao và lợi ích khác. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và Người điều hành doanh nghiệp mà công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo qui chế nội bộ và kiến nghị tiền lương, thù lao và lợi ích khác đối với Người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 15 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của Ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm.

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Các kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Kiểm soát viên không được giữ chức vụ quản lý Công ty và không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Người quản lý khác của Công ty. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và các thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

4. Thù lao, Tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân ; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, và các cá nhân, tổ chức có liên quan liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

c. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Điều 25.2 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và Công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và qui định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản .

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai ngay sau ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó .

Điều 47. Chế độ Kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành được Bộ Tài chính chấp thuận .

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, Báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập Báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 2 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao Báo cáo Kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn Hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các qui định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu mỗi bên trình bày các thông tin liên quan tới tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài Kinh tế hoặc Tòa án Kinh tế.

3. Mỗi bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang nhất trí thông qua ngày ... tháng 04 năm 2018 tại trụ sở chính Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Sa Giang và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. 01 Bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
- b. 05 Bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
- c. 04 Bản lưu trữ tại trụ sở chính Công ty

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang.

Ông Nguyễn Văn Kiệm – Tổng Giám đốc

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Giải thích thuật ngữ

CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Điều 3. Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông
- Điều 4. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông
- Điều 5. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu
- Điều 6. Cách thức phản đối nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
- Điều 7. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
- Điều 8. Công bố quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Điều 10. Thành viên Hội đồng quản trị
- Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị
- Điều 12. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị
- Điều 13. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
- Điều 14. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị
- Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

- Điều 16. Kiểm soát viên
- Điều 17. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên
- Điều 18. Cách thức bầu Kiểm soát viên
- Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên
- Điều 20. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

CHƯƠNG V: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Điều 21. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

CHƯƠNG VI: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

- Điều 22. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bãi nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp
- Điều 23. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc
- Điều 24. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc

CHƯƠNG VII: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

- Điều 25. Tiêu chuẩn đánh giá

Điều 26. Hệ thống khen thưởng và kỷ luật

CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 27. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Tổng giám đốc

Điều 28. Giao dịch với người có liên quan

Điều 29. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty

CHƯƠNG IX: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 30. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Điều 31. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Điều 32. Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Điều 33. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

CHƯƠNG X: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 34. Công bố thông tin thường xuyên

Điều 35. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty

Điều 36. Công bố thông tin về các cổ đông lớn

Điều 37. Tổ chức công bố thông tin

CHƯƠNG XI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 38. Báo cáo

Điều 39. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /2018/NQ.ĐHCD
ngày 27 tháng 04 năm 2018

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Sa Giang quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Công ty.

2. Quy chế này được xây dựng dựa theo “Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng” được quy định tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ tài chính và Điều lệ Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

b) “Công ty” là Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Sa Giang.

c) “Người điều hành” là Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và Người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

d) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp; và Khoản 34, Điều 6 Luật chứng khoán.

e) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

f) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14.4b hoặc 14.4c Điều lệ Công ty.

3. Trình tự, thủ tục triệu tập và điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 18, 19 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả cổ đông có quyền dự họp phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp.

2. Trường hợp cổ đông có quyền dự họp không thể đến dự tại Đại hội đồng cổ đông, có thể uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Đại diện theo uỷ quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cần mang theo các giấy tờ sau:

g) Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

h) Giấy ủy quyền

Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và/hoặc phiếu bầu cử.

Điều 5. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Tất cả các nội dung trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự bằng Thẻ/Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu bầu cử theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện. Mỗi Thẻ/Phiếu biểu quyết có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện và có đóng dấu treo của công ty. Mỗi Phiếu bầu cử có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện, tổng số lượng phiếu bầu và có đóng dấu treo của công ty.

a) Cách thức nộp “Phiếu biểu quyết”: Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô mình chọn đối với từng nội dung biểu quyết (Có 03 ý kiến để lựa chọn là tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Cách thức này dùng để thông qua các báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.

b) Cách thức nộp “Phiếu bầu cử”: Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô có tên của người mình muốn bầu. Cách thức này dùng để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

c) Cách thức giơ “Thẻ biểu quyết”: Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Cách thức này dùng để thông qua các nội dung khác trừ các báo cáo, tờ trình, bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội.

2. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát việc biểu quyết của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự và kiểm tra số Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của từng nội dung; ghi nhận và báo cáo kết quả biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp qui định tại Khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét

tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải chọn ra ít nhất một thư ký để ghi biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập chi tiết và rõ ràng theo qui định tại Khoản 1 Điều 23 Điều lệ Công ty.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được xem là bằng chứng xác thực về những công việc đã được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 8. Công bố quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)), Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:

- a) Trang thông tin điện tử của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN);
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK).

2. Việc công bố thông tin trên Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, Trang thông tin điện tử của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người, trong đó có một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan với Công ty và tuyên bố này phải được thông báo trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, lưu giữ tại trụ sở của Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 5% vốn điều lệ.

4. Việc kê khai các lợi ích quy định tại khoản 3 điều này phải được thực hiện trong bảy (07) ngày làm việc kể từ khi phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày sửa đổi, bổ sung tương ứng.

5. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 12. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự có mặt tại Đại hội đồng cổ đông vào thời điểm bầu cử có một phiếu bầu. Giá trị biểu quyết của phiếu bầu tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện.

2. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín, bầu trực tiếp, theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông đó có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

3. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên mà pháp luật qui định hoặc ít hơn một nửa (1/2) số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

b) Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị do có thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm theo qui định. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên

mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 13. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
2. Có đơn từ chức;
3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
4. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
6. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị

Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin trên, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GD&ĐT Bản cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị mới (nếu có).

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm: Thông báo họp; các điều kiện tổ chức cuộc họp; Cách thức biểu quyết; Cách thức thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị; Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị; thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị: Công ty thực hiện theo qui định của pháp luật và Điều 30 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo qui định tại Điều lệ Công ty.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.
4. Kiểm soát viên phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan với Công ty.

5. Quyền lợi, nghĩa vụ của Kiểm soát viên thực hiện theo qui định tại **Điều 38** Điều lệ Công ty.

Điều 17. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- f. Các thông tin khác (nếu có).

3. Các ứng viên Ban kiểm soát có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 18. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Cách thức bầu Kiểm soát viên được thực hiện tương tự qui định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 12 Qui chế này.

Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin trên, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GDCK Bản cung cấp thông tin của Kiểm soát viên mới (nếu có).

CHƯƠNG V

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị có thể thành lập hoặc giải thể các tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng quản trị theo qui định tại Khoản 1 Điều 31 Điều lệ Công ty. Các tiểu ban gồm:

1. Tiểu ban chính sách phát triển:
 - a) Thành viên của Tiểu ban ít nhất là 03 người. Trưởng Tiểu ban là thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị không điều hành; các thành viên khác là thành viên Hội đồng quản trị và có thể là thành viên bên ngoài.
 - b) Tiểu ban chính sách phát triển có nhiệm vụ: xây dựng, hoạch định các chiến lược, chính sách phát triển về thị trường; sản phẩm mới; công nghệ; tài chính tiền tệ và đầu tư.
2. Tiểu ban nhân sự, lương thưởng
 - a) Về cơ cấu nhân sự như qui định tại điểm a khoản 1 điều này.
 - b) Tiểu ban nhân sự, lương thưởng có nhiệm vụ:
 - Đề xuất các tiêu chí về phẩm chất và năng lực của thành viên bộ máy quản lý; việc bổ nhiệm, đánh giá, bãi nhiệm các thành viên này.
 - Đề xuất định mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên hội đồng quản trị và bộ máy quản lý. Đưa ra các chỉ tiêu đánh giá liên quan đến việc thưởng hoạt động của bộ máy quản lý.

CHƯƠNG VI

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Điều 22. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp:

1. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành doanh nghiệp
 - a) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tính trung thực.
 - b) Có trình độ chuyên môn đại học trở lên. Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.
 - c) Có khả năng đảm đương nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong công việc
 - d) Có sức khỏe, có kiến thức về quản lý.
 - e) Thể hiện sự mẫn cán trong công việc.
2. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp
 - a) Người đáp ứng các tiêu chuẩn trên được xem xét bổ nhiệm vào các chức danh quản lý, đảm đương những vị trí quan trọng trong Công ty.
 - b) Thẩm quyền bổ nhiệm:
 - Hội đồng quản trị bổ nhiệm: Tổng Giám đốc điều hành; Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng; Thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh trước khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
 - Tổng Giám đốc bổ nhiệm người điều hành khác trong Công ty sau khi được Hội đồng quản trị phê chuẩn. Việc bổ nhiệm này phải phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý Công ty. Tổng giám đốc quyết định sau khi tổ chức lấy ý kiến tham khảo với các đối tượng Giám đốc, Phó Giám đốc bộ phận và Bộ phận nhân sự.
 - c) Thời hạn bổ nhiệm: Đối với Tổng giám đốc là 03 năm, đối với người điều hành khác từ 01 - 03 năm.
3. Ký hợp đồng lao động với người điều hành khác được thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động.
4. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp
Miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong những trường hợp sau:
 - a) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - b) Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;
 - c) Vi phạm nội quy, quy chế Công ty;
 - d) Phẩm chất đạo đức kém, ảnh hưởng đến văn hóa doanh nghiệp của Công ty;
 - e) Tư lợi cá nhân;
 - f) Có đơn xin từ chức.
5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp
Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp của Công ty được thông báo trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đối tác và cán bộ quản lý cấp trung gian trong toàn Công ty.

Điều 23. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Kiến nghị số lượng và các loại người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành doanh nghiệp;

d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e) Chậm nhất là 15/11 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f) Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;

g) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.

Điều 24. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời và tài liệu kèm theo đến Trưởng Ban kiểm soát.

b) Bản sao các biên bản họp, Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp của Hội đồng quản trị kết thúc và cùng thời điểm được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp tất cả các thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty để báo cáo lên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị họp mỗi quý đánh giá, kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị về điều hành công việc sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VII: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 25. Tiêu chuẩn đánh giá

1. Đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và thành viên Ban Tổng Giám đốc.

a) Thực hiện có hiệu quả các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

b) Điều hành có hiệu quả toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, đảm bảo mang lại lợi ích thiết thực, chính đáng cho các cổ đông, cán bộ, nhân viên và vì sự phát triển của Công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2. Đối với người điều hành khác

a) Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trung thực.

b) Thể hiện năng lực quản lý và điều hành ở mảng công việc được phân công phụ trách.

c) Gương mẫu trong làm việc và đạo đức lối sống.

d) Không bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

Điều 26. Hệ thống khen thưởng và kỷ luật

1. Khen thưởng:

- Tùy vào thành tích và mức độ đóng góp của từng thành viên mà áp dụng các hình thức khen thưởng. Công ty xây dựng quy chế khen thưởng phù hợp với các đối tượng và điều kiện thực tế của Công ty.

- Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc quyết định khen thưởng đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm.

2. Kỷ luật:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những tổn hại do mình gây ra.

- Nguyên tắc, hình thức, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với thành viên Ban Tổng giám đốc người điều hành khác thực hiện theo qui định của pháp luật lao động.

CHƯƠNG VIII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 27. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Tổng giám đốc

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, **Sở giao dịch chứng khoán**.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 28. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 29. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG IX: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 30. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

- Có hiểu biết về pháp luật, nắm vững các qui định pháp luật liên quan đến Công ty và thị trường chứng khoán;
- Có trình độ học vấn đại học trở lên;
- Am hiểu hoạt động của Công ty;
- Có kỹ năng tổ chức, phân tích, tính trách nhiệm cao;

- Có tính linh hoạt, sáng tạo, tỉ mỉ;
- Được đào tạo về quản trị Công ty;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 31. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

- Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty. Số lượng Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.
- Hội đồng quản trị sẽ ban hành nghị quyết bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty là 5 năm hoặc một thời hạn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.

Điều 32. Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 33. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị sẽ thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác.

CHƯƠNG X: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 34. Công bố thông tin thường xuyên

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 35. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- b) Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành;
- d) Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có);
- e) Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty;
- f) Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc;

g) Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;

h) Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 36. Công bố thông tin về các cổ đông lớn

1. Công ty phải tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng cổ đông lớn gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân);
- b) Địa chỉ liên lạc;
- c) Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);
- d) Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong công ty;
- e) Tình hình biến động về sở hữu của các cổ đông lớn;
- f) Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của công ty;
- g) Tình hình tăng, giảm cổ phiếu, và cầm cố, thế chấp cổ phiếu công ty của các cổ đông lớn.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 37. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:

a) Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;

b) Đồng thời phân công ít nhất một cán bộ phụ trách về công bố thông tin.

2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người:

a) Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;

c) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;

d) Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG XI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 38. Báo cáo

Định kỳ hàng năm, công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị ban hành trước đây của công ty.

2. Trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ công ty về cùng một vấn đề thì quy định của Điều lệ công ty được ưu tiên áp dụng.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có bất kỳ vướng mắc, phát sinh hoặc có sự thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước, Hội đồng quản trị Công ty sẽ xem xét thay đổi cho phù hợp

4. Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, người điều hành khác và CB.CNV công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**